TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** **TỈNH BÀ RỊA–VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2024/HS-ST
Ngày 17-10-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA–VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Bá Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà La Thị Thu Nga.

2. Bà Đoàn Thị Mến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 94/2024/TLST-HS, ngày 24 tháng 9 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 96/2024/QĐXXST-HS, ngày 03 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Văn P, sinh ngày 14 tháng 8 năm 1979 tại tỉnh Bình Định. Nơi cư trú: Khu phố L, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nơi ở hiện tại: Khu phố P1, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L, sinh năm 1949 (chết năm 2019) và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1954; có vợ là bà Võ Kim T, sinh năm 1975 và có 01 người con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 04/LC-TA, ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Hiện đang tại ngoại tại thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Có mặt).

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp N, xã X1, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng LEC tại X. Địa chỉ: Quốc lộ 00, ấp Trang H, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện (người đứng đầu): Ông Trần Minh H, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: Khu phố T, phường P1, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Hiếu N1, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Ông Dương Anh D, sinh năm 1960 (Có mặt).

Nơi cư trú: Số 00 TBT, khu phố T, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền chi tiêu cá nhân nên khi đang thực hiện nhiệm vụ trực bảo vệ tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng LEC tại X (viết tắt là Chi nhánh Công ty LEC) thuộc ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào khoảng 09 giờ ngày 04/02/2024, bị cáo Trần Văn P một mình tự ý đi vào kho cơ khí (kho chứa dụng cụ sửa chữa) của Chi nhánh Công ty LEC lấy 01 cờ lê loại 13mm và 01 búa bằng kim loại dài 25,5cm sau đó đi vào kho của ông Nguyễn Văn N do kho này nằm trong phần diện tích mặt bằng thuê của Chi nhánh Công ty LEC mà trước đây ông N từng thuê. Tuy nhiên, đến năm 2020 ông N không thuê nữa nhưng vẫn để mô tơ có gắn quạt sấy (viết tắt là mô tơ quạt) trong kho chưa di dời đi nơi khác. Do kho không có camera an ninh, không người quản lý, trông coi và cửa kho chỉ được che chắn bằng tấm ván gỗ nên bị cáo đẩy tấm ván gỗ để đi vào. Khi vào trong kho của ông N, bị cáo sử dụng cờ lê tháo ốc vít và dùng búa gõ ốc vít để lấy tổng cộng 10 mô tơ quạt. Sau đó, bị cáo di chuyển 10 mô tơ quạt ra ngoài kho và cất giấu tại vị trí đang chứa vỏ Tràm và dùng vỏ Tràm phủ lên để che đậy, ngụy trang nhưng vì cánh quạt của mô tơ nhô (chồi) ra khỏi vỏ Tràm nên sợ bị phát hiện, bị cáo đã tháo rời 10 cánh quạt gắn ở mô tơ mang vứt bỏ tại mương nước sát tường rào của kho còn cờ lê và búa thì mang cất lại chỗ cũ. Cùng ngày, bị cáo liên hệ được một người (không rõ nhân thân, lai lịch) thu mua phế liệu (ve chai) để giao bán toàn bộ 10 chiếc mô tơ nhưng thấy chưa được giá nên bị cáo không bán. Ngày 05/02/2024, ông Dương Anh D cũng là bảo vệ Chi nhánh Công ty LEC đến thay ca trực cho bị cáo, sau khi nhận bàn giao công việc ông D kiểm tra thì phát hiện tài sản của ông N bị mất nên đã thông báo cho ông N. Ngày 07/02/2024, ông N có

đơn gửi đến Công an xã B, huyện X để trình báo và đề nghị giải quyết (Bl 83); qua xác minh và quá trình làm việc ban đầu, bị cáo đã tự khai nhận hành vi như trên (Bl 74). Sau đó, cơ quan chức năng đã tiến hành lập biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc (Bl 35), biên bản xác định hiện trường (Bl 32), biên bản chỉ dẫn vị trí trộm cắp và cất giấu tài sản (Bl 38), vẽ sơ đồ nơi xảy ra vụ việc (Bl 37), sơ đồ hiện trường (Bl 34) và chụp ảnh hiện trường; lập biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu (Bl 48-52).

Tại các bản kết luận định giá tài sản (Bl 39-43), thể hiện:

- Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐG, ngày 07/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã kết luận tại thời điểm xảy ra vụ án, giá trị thiệt hại của tài sản được định giá là: 9.000.000 đồng (bao gồm: 10 motor quạt sấy điện, nhãn hiệu Teco, 1HP (mã lực), sử dụng điện 3 pha, mua mới năm 2020 với giá 4.000.000đ/cái, giá trị còn lại 50%, thiệt hại ngày 04/02/2024);

- Kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐG, ngày 06/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã kết luận tại thời điểm xảy ra vụ án, giá trị thiệt hại của tài sản được định giá là: 120.000 đồng (bao gồm: 10 cánh quạt bằng kim loại đã qua sử dụng, được lắp đặt kết nối với 10 motor năm 2020 (dùng để chế biến Tràm), bị bỏ lại ngày 04/02/2024);

Tổng giá trị tài sản thiệt hại được định giá là 9.120.000 đồng (chín triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 92/CT-VKS-XM, ngày 18/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu truy tố bị cáo Trần Văn P về "Tội trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa hình sự giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn P phạm "Tội trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Về hình phạt chính: Phạt bị cáo Trần Văn P từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tự nguyện đi chấp hành án hoặc ngày bị bắt đi chấp hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo do không có nghề nghiệp ổn định.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Vật chứng đã xử lý: Đối với 10 mô tơ (motor) quạt sấy điện, nhãn hiệu Teco, 1HP (mã lực), sử dụng điện 3 pha và 10 cánh quạt bằng kim loại, được lắp đặt kết nối với 10 mô tơ; 01 búa bằng kim loại dài 25,5cm. Đây là những tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn N và của Chi nhánh Công ty LEC. Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã trả lại cho bị hại và trả lại cho người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên không xem xét.

- Vật chứng không tạm giữ được: Đối với 01 cờ lê loại 13mm, bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội sau đó để lại vị trí ban đầu nhưng quá trình điều tra không thu giữ được do nhiều người của Chi nhánh Công ty LEC sử dụng nên đã thất lạc. Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã ra thông báo truy tìm đến nay vẫn chưa tìm thấy nên không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã nhận thức được hành vi đã thực hiện là vi phạm pháp luật và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và không bào chữa, tranh luận.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã nhận lại toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình nên không có yêu cầu bồi thường và vẫn giữ nguyên nội dung đơn xin bãi nại cho bị cáo. Ngoài ra, bị hại không có ý kiến hoặc yêu cầu gì khác; đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, ngoài lời khai có trong hồ sơ vụ án thì không ai gửi văn bản trình bày ý kiến bổ sung gì thêm.

Khi nói lời sau cùng, bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại cũng như những người có liên quan trong vụ án và xin Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo sớm có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng, trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội: Khoảng 09 giờ ngày 04/02/2024, tại kho của ông Nguyễn Văn N nằm trong phần diện tích mặt bằng của Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng LEC tại X thuộc ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Bị cáo Trần Văn P đã lén lút lấy trộm của ông N 10 (mười) mô tơ có gắn quạt sấy.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; phù hợp biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ

việc, biên bản xác định hiện trường, biên bản chỉ dẫn vị trí trộm cắp và cất giấu tài sản, sơ đồ nơi xảy ra vụ việc, sơ đồ hiện trường và ảnh hiện trường; phù hợp với kết luận định giá tài sản; với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tài sản bị chiếm đoạt được xác định gồm: 10 mô tơ, nhãn hiệu Teco, 1HP (mã lực), sử dụng điện 3 pha có giá 9.000.0000 đồng; 10 cánh quạt bằng kim loại, được lắp đặt kết nối với 10 mô tơ (dùng để chế biến Tràm) có giá 120.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là 9.120.000 đồng (chín triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo: Bị cáo đã thành niên, có sức khỏe và đủ nhận thức để hiểu được những điều cấm của pháp luật đối với mọi hành vi phạm tội về xâm phạm sở hữu nhưng do tham lam, lười lao động, bị cáo đã bất chấp tất cả quy định của pháp luật, lợi dụng sự sơ hở và mất cảnh giác của bị hại, cố ý lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chủ sở hữu với mục đích để bán lấy tiền, sử dụng cho nhu cầu cá nhân.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác, đây là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, tạo dư luận xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện đến cùng. Hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành "Tội trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm nhân dân huyện X truy tố bị cáo và việc luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, quá trình lượng hình có xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

[2] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra, bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo được Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xác định là người không có tiền án, tiền sự và về nhân thân từ trước tới nay cũng chưa bị cơ quan chức năng hoặc người có thẩm quyền xem xét, xử lý nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân để tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu trở thành người công dân tốt mà do lười lao động, tham lam nên cố ý thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác. Mặc dù

trong vụ án này, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện đến cùng thể hiện bằng việc sau khi chiếm đoạt được tài sản bị cáo đã liên hệ ngay với người thu mua phế liệu để bán tài sản nhưng chưa bán được là do mức giá người mua đưa ra thấp hơn mức giá bị cáo dự tính. Vì vậy, không thể áp dụng xử mức án dưới khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự mà cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo ý thức tôn trọng pháp luật, tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới. Đồng thời, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

- Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] Sự vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đã có lời khai làm rõ các tình tiết liên quan đến vụ án nên việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 và Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, vẫn tiến hành xét xử.

[4] Hình phạt bổ sung: Bị cáo là người không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[5] Trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn N đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu đòi bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- 10 (mười) mô tơ, nhãn hiệu Teco, 1HP (mã lực), sử dụng điện 3 pha và 10 (mười) cánh quạt bằng kim loại, được lắp đặt kết nối với 10 (mười) mô tơ; 01 (một) búa bằng kim loại dài 25,5cm. Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã trả lại cho bị hại và người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ giai đoạn điều tra là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- 01 (một) cờ lê loại 13mm, chưa thu hồi được. Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã ra Thông báo truy tìm, khi tìm thấy sẽ xử lý theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, giải quyết.

[7] Các vấn đề khác: Không.

[8] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện X; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện X được phân công điều tra,

kiểm sát giải quyết vụ án thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, có cơ sở để xác định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn P phạm "Tội trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt:

+ Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Trần Văn P 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tự nguyện đi chấp hành án hoặc ngày bị bắt đi chấp hành án.

+ Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

- Trách nhiệm dân sự: Không xem xét, giải quyết do bị hại không yêu cầu.

- Về án phí: Bị cáo Trần Văn P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện X;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- CQ CSĐT Công an huyện X;
- CQ THAHS Công an huyện X;
- UBND TT. P, huyện X;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV06, PC10–Công an tỉnh BR-VT;
- CCTHA DS huyện X;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Bá Khuyến